

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5.000 Khu đô thị Nam Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 104/BCTD-SXD ngày 10/5/2017 về việc thẩm định Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 Khu đô thị Nam Sơn, tỉnh Bắc Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 Khu đô thị Nam Sơn, tỉnh Bắc Ninh, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi nghiên cứu, ranh giới, quy mô quy hoạch:

a) Phạm vi, ranh giới: Tại phường Hạp Lĩnh, xã Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh; các xã Minh Đạo, Việt Đoàn, Lạc Vệ, Tân Chi, huyện Tiên Du; các xã Hán Quảng, Yên Giả, Chi Lăng, huyện Quế Võ, ranh giới như sau: Phía Bắc giáp cao tốc Nội Bài - Bắc Ninh - Quảng Ninh; Phía Nam giáp sông Đuống; Phía Đông giáp đường vành đai 4; Phía Tây giáp tuyến đường quy hoạch nối kết Làng đại học 1 thuộc phân khu đô thị Tiên Du với Làng đại học 2 thuộc phân khu đô thị Nam Sơn.

b) Quy mô quy hoạch:

- Diện tích quy hoạch: Khoảng 4.518ha.

- Quy mô dân số: Khoảng 135.000 người.

2. Mục tiêu, tính chất quy hoạch:

a) Mục tiêu

- Cụ thể hóa đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1560/QĐ-TTg ngày 10/9/2015.

- Xây dựng đô thị mới hiện đại, là một hạt nhân của đô thị Lỗi, giảm bớt sự tập trung đơn cực vào Thủ đô Hà Nội, đóng góp cho sự phát triển của đô thị Lỗi thành đô thị đôi trọng của Thủ đô Hà Nội.

- Làm cơ sở pháp lý để đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

b) Tính chất

Là đô thị mới đạt các tiêu chí quốc gia và quốc tế; là một tâm đào tạo, khoa học công nghệ, thương mại dịch vụ, thể dục thể thao, y tế nghỉ dưỡng, du lịch cấp tỉnh và vùng Thủ đô; là đô thị mới có chất lượng cao với các khu nhà ở cao cấp; là khu đô thị được bảo tồn và phát huy các không gian làng trong đô thị; là đô thị đạt được các tiêu chí: Văn hóa - Sinh thái - kinh tế tri thức và đô thị thông minh.

3. Phân khu chức năng, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

a) Phân khu chức năng:

Khu đô thị Nam Sơn chia khu vực lập quy hoạch thành 09 phân khu, cụ thể như sau:

- Phân khu số 1 (Khu trung tâm) tại vị trí trung tâm khu vực lập quy hoạch, thuộc các xã Tân Chi, Lạc Vệ và Hán Quảng; diện tích khoảng 386 ha, bao gồm các chức năng chính: Công trình công cộng - dịch vụ đô thị (trung tâm hành chính, công cộng đô thị, ga đường sắt đô thị; trung tâm văn hóa cấp đô thị; trung tâm hội chợ - triển lãm; không gian đi bộ; công trình HTXH đơn vị ở, vv...); khu hỗn hợp (trung tâm thương mại, shophouse, văn phòng, khách sạn, nhà hàng, công viên vui chơi giải trí, chung cư cao cấp,...); các khu ở (làng xóm hiện hữu và xây mới); khu cây xanh, mặt nước; khu dự trữ phát triển.

- Phân khu số 2 (Khu các trường đại học) tại phía Tây khu vực lập quy hoạch, thuộc các xã Việt Đoàn, Minh Đạo, Tân Chi và Lạc Vệ; diện tích khoảng 643 ha, bao gồm các chức năng chính như sau: Khu các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề (thu hút các trường đại học cấp quốc gia, trường đại học quốc tế); khu công trình công cộng - dịch vụ đô thị (trung tâm thương mại, không gian đi bộ; công trình HTXH phục vụ đơn vị ở, vv...); khu cây xanh, mặt nước (khu thể thao sử dụng chung của các trường đại học, quảng trường sinh viên, cây xanh công viên, vườn dạo, vv...); các khu ở (làng xóm hiện hữu và xây mới); khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; khu công trình đầu môi HTKT.

- Phân khu số 3 (Khu các Viện nghiên cứu) tại phía Đông khu vực lập quy hoạch, thuộc các xã Yên Giả, Chi Lăng; diện tích khoảng 234 ha, bao gồm các chức năng chính như sau: Khu vực các cơ quan, viện nghiên cứu, dành để xây dựng mới các công trình viện nghiên cứu cấp vùng Thủ đô (nghiên cứu ứng dụng công nghệ; nghiên cứu phát triển công nghiệp sáng tạo: Phần mềm, công nghệ game, ảnh động, đồ họa; điện ảnh; âm nhạc; xuất bản; thời trang; trình diễn - lễ hội; sản phẩm chăm sóc sức khỏe, vv...); các khu ở mới.

- Phân khu số 4 (Khu thể dục thể thao và không gian mở) tại phía Nam khu vực lập quy hoạch, thuộc các xã Hán Quảng và Chi Lăng; diện tích khoảng 250ha, bao gồm các chức năng chính như sau: Khu cây xanh, thể dục thể thao (sân vận động quy mô khoảng 25.000 chỗ ngồi; nhà thi đấu, sân bãi luyện tập, khu nghỉ vận động viên, khu dịch vụ, vườn dạo, sân ngắm cảnh, quảng trường, bãi đỗ xe và công trình hạ tầng kỹ thuật phụ trợ khác, vv...); mặt nước hồ điều hòa có quy mô lớn.

- Phân khu số 5 (Khu công nghiệp, đô thị Nam Sơn - Hạp Lĩnh) tại khu vực phía Nam QL.18, thuộc phường Hạp Lĩnh và xã Nam Sơn; diện tích 488 ha, bao gồm các chức năng chính như sau: Khu công nghiệp Nam Sơn - Hạp Lĩnh (công nghiệp

sạch, công nghệ cao) với diện tích khoảng 300 ha (có hiệu lực sau khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận); khu công trình công cộng - dịch vụ đô thị; khu hỗn hợp (văn phòng, thương mại, dịch vụ, ở, ...); các khu ở xây mới; khu cây xanh, mặt nước, TĐTT; khu vực an ninh, quốc phòng.

- Phân khu số 6 (Khu ở đô thị Hạp Lĩnh - Lạc Vệ) tại khu vực phía Tây QL.38, thuộc phường Hạp Lĩnh và xã Lạc Vệ; diện tích khoảng 407 ha, bao gồm các chức năng chính như sau: Khu công trình công cộng - dịch vụ đô thị; khu giáo dục, đào tạo; khu nông nghiệp công nghệ cao; các khu ở (hiện hữu và xây mới); khu cây xanh, mặt nước; khu hỗn hợp; khu trường học, tôn giáo, tín ngưỡng.

- Phân khu số 7 (Khu ở đô thị Lạc Vệ - Yên Giả) tại khu vực phía Đông QL.38, thuộc các xã Lạc Vệ, Yên Giả; diện tích khoảng 458 ha, bao gồm các chức năng chính như sau: Khu công trình công cộng - dịch vụ đô thị; các khu ở (hiện hữu và xây mới); khu cây xanh, mặt nước; khu hỗn hợp; đất trường học.

- Phân khu số 8 (Khu nông nghiệp đô thị ven sông Đuống) tại khu vực dọc sông Đuống, thuộc các xã Việt Đoàn, Hán Quảng và Chi Lăng; diện tích khoảng 877 ha, bao gồm các chức năng chính như sau: Khu công trình dịch vụ công cộng - dịch vụ đô thị; các khu ở (hiện hữu và xây mới); trường học; khu hỗn hợp; khu tiêu thụ công nghiệp; đất cây xanh, mặt nước; khu công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật; khu dự trữ phát triển; khu nông nghiệp công nghệ cao; khu vực nông nghiệp hiện hữu. Tôn trọng cấu trúc không gian làng xóm hiện có; bảo tồn, tôn tạo, phục hồi các di tích lịch sử - văn hóa.

- Phân khu số 9 (Khu nông nghiệp đô thị) thuộc các xã Yên Giả và Chi Lăng; diện tích khoảng 364 ha, bao gồm các chức năng chính như sau: Khu công trình dịch vụ công cộng - dịch vụ đô thị; các khu ở (hiện hữu và xây mới); khu trường học, cây xanh TĐTT; Khu vực đầu mối hạ tầng kỹ thuật; khu vực đất nông nghiệp.

b) Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

- Khu vực dân cư, các dự án hiện hữu: Cải tạo hoàn thiện các khu dân cư hiện hữu theo hướng tôn trọng cấu trúc làng xóm hiện hữu, kết nối hiệu quả với các khu dân cư mới và các khu vực xung quanh. Cập nhật các dự án trong ranh giới quy hoạch, kết nối với hệ thống giao thông toàn khu vực. Phát triển quỹ đất ở mới và bổ sung một số quỹ đất công cộng của làng xóm tại những vị trí xen kẽ giữa tuyến đường giao thông với khu dân cư cũ, kết hợp không gian cây xanh, cảnh quan tự nhiên.

- Khu vực dân cư mới: Phát triển các khu dân cư mới theo hướng hiện đại, tiện nghi, đáp ứng đa dạng nhu cầu về nhà ở và môi trường sống xanh; đáp ứng đầy đủ các công trình công cộng, dịch vụ phục vụ đơn vị ở; tạo ra các trục đi bộ gắn với các không gian xanh, sử dụng tối đa giao thông công cộng.

- Khu trung tâm, khu các trường đại học, khu các viện nghiên cứu, khu vực phát triển dọc theo tuyến đường tỉnh ĐT.287: Là khu vực tập trung các công trình cao tầng với chức năng hỗn hợp, xây dựng hợp khối, tạo nhiều khoảng không gian sân vườn trong và ngoài công trình, gắn với các trục đi bộ xanh, nhà ga đường sắt đô thị;

bổ sung, tạo mới các khu dịch vụ ngân hàng, tài chính, dịch vụ, thương mại, hội chợ triển lãm, vui chơi giải trí cho đô thị và các khu vực lân cận.

- Khu thể dục thể thao và không gian mở: Quản thể kiến trúc công trình TĐTT tiếp cận không gian mặt nước hồ điều hòa, liên hệ giao thông thuận lợi với các khu chức năng khác. Phát triển kiến trúc xanh. Khu vực hai bên Ngõ Con Tên ưu tiên phát triển các công trình thương mại dịch vụ, du lịch, vườn hoa, cây xanh.

- Bổ sung các không gian công cộng, cây xanh, mặt nước phục vụ sinh hoạt cộng đồng trong các đơn vị ở. Tôn trọng cấu trúc không gian làng xóm hiện có. Bảo tồn, tôn tạo, phục hồi các di tích lịch sử - văn hóa. Cải tạo hoặc xây dựng mới nhà ở theo phong cách kiến trúc truyền thống. Cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, môi trường ở nông thôn. Giữ gìn quỹ đất nông nghiệp theo định hướng quy hoạch.

- Hình thức kiến trúc hiện đại, lấy hai bên trục QL.38 và ĐT.287 làm trọng tâm đô thị, chiều cao và mật độ thấp dần về phía đông và phía nam. Hạn chế cao tầng, chủ yếu là trung tầng và thấp tầng.

4. Quy hoạch sử dụng đất

<i>TT</i>	<i>Loại đất</i>	<i>Diện tích (ha)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Chỉ tiêu (m²/người)</i>
	Tổng diện tích đất lập quy hoạch	4.518,00		
I	Đất xây dựng đô thị	3.574,08	100,00	249,13
I.1	Đất dân dụng	1.613,70	45,15	112,48
1	Đất nhóm ở	1.037,19	29,02	72,30
a	Đất dân cư xây mới	566,43	15,85	50,00
b	Đất làng xóm hiện hữu	470,76	13,17	108,60
2	Đất công trình công cộng	71,81	2,01	5,01
a	Đất công trình dịch vụ công cộng	62,00	1,73	
b	Đất trường học	9,81	0,27	
3	Đất cây xanh vườn hoa, công viên, TĐTT	184,84	5,17	12,88
4	Đất giao thông đối nội	319,86	8,95	22,30
I.2	Đất khác trong phạm vi khu dân dụng	1.126,86	31,53	
1	Đất công trình công cộng	165,02	4,62	
2	Đất hỗn hợp	287,55	8,05	
3	Đất đào tạo đại học, cao đẳng	230,97	6,46	
4	Đất nghiên cứu khoa học kỹ thuật	233,70	6,54	
5	Đất cây xanh vườn hoa công viên TĐTT	164,76	4,61	
	Đất cây xanh cách ly	42,34	1,18	
6	Đất tôn giáo tín ngưỡng	2,52	0,07	
I.3	Đất ngoài phạm vi khu dân dụng	833,52	23,32	
1	Đất công nghiệp	318,89	8,92	
2	Đất sản xuất nông nghiệp công nghệ cao	112,35	3,14	
3	Đất hạ tầng kỹ thuật	42,94	1,20	
4	Giao thông đối ngoại	255,56	7,15	
5	Đất an ninh quốc phòng	13,47	0,38	
6	Đất nghĩa trang nghĩa địa	8,45	0,24	
7	Đất dự trữ	81,86	2,29	

<i>TT</i>	<i>Loại đất</i>	<i>Diện tích (ha)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Chỉ tiêu (m²/người)</i>
II	Đất khác	943,92	26,41	
1	Đất nông nghiệp trong đô thị	533,01		
2	Mặt nước	410,91		

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Quốc lộ 18 (mặt cắt A-A): lộ giới 130m, quy mô 6 làn xe, giải phân cách giữa 10,5m và đường gom 2 bên; Quốc lộ 38 (mặt cắt C-C): lộ giới 60m, quy mô 6 làn xe, giải phân cách giữa 2m và đường gom 2 bên; Đường vành đai 4 của Hà Nội (mặt cắt B-B): lộ giới 90m, giải phân cách giữa 12m, đường xe chạy mỗi bên rộng 24m; ĐT.287 (mặt cắt D-D): lộ giới 48,5m = 5+5,5+1+11,25+3+11,25+1+5,5+5; Bố trí 01 bến xe và 7 bãi đỗ xe cấp đô thị; Tuyến đường sắt quốc gia xây mới dọc QL.18; Tuyến đường sắt đô thị Chờ - Bắc Ninh dự kiến đi trùng với TL.287, bố trí xây mới 04 ga đường sắt đô thị; Bố trí 01 cảng hàng hóa và 01 bến thuyền du lịch ven sông Đuống.

- Giao thông đối nội: Mặt cắt 1-1: lộ giới từ 40 đến 42m = 6+12,5+(3 đến 5)+12,5+6 (một số đoạn có bố trí đường sắt đô thị tại dải phân cách giữa); Mặt cắt 2-2: lộ giới 30m = 6+7,5+3+7,5+6; Mặt cắt 3-3: lộ giới 27m = 5+17+5; Mặt cắt 4-4: lộ giới 25m = 5+15+5; Mặt cắt 5-5: lộ giới từ 20,5 đến 22,5m = (5 đến 6)+10,5+(5 đến 6); Mặt cắt 6-6: lộ giới từ 14 đến 15m = (3,5 đến 4)+7+(3,5 đến 4).

- Nút giao thông: Xây mới 04 nút giao thông đầu nối mạng lưới đường trong khu vực nghiên cứu với QL.18 và đường vành đai 4 Vùng thủ đô Hà Nội.

- Giao thông cộng cộng: Sử dụng hệ thống xe buýt, đường sắt đô thị, bến xe khách kết hợp làm điểm xe buýt ngoại thị.

- Đối với khu vực các làng, xóm hiện hữu: Cải tạo đường làng, ngõ xóm hiện hữu và mở rộng một số tuyến đường phân khu vực mới đi qua các khu vực có mật độ xây dựng thấp, bố trí thêm các điểm quay xe, bãi đỗ xe.

b) Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

- Cao độ nền: Cao độ san nền khu vực không chế từ 5,0 đến 5,5m. Hướng dốc từ trong các ô đất hướng ra các tuyến đường xung quanh để thoát nước mưa.

- Thoát nước mưa: Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa riêng, độc lập với hệ thống thoát nước thải. Nước mưa được thu gom bằng hệ thống cống tròn bê tông cốt thép thoát ra các trục tiêu chính.

- Chia làm 3 lưu vực thoát nước mưa:

+ Lưu vực 1: nằm phía Đông đường 38 mới và phía Bắc đường N6 thoát về phía kênh Con Tên.

+ Lưu vực 2: nằm phía Tây đường 38 mới và phía Bắc đường N6 thoát nước về phía ngòi Tào Khê.

+ Lưu vực 3: nằm phía Nam đường N6 thoát nước về phía hồ điều hòa thoát ra sông theo trạm bơm qua đê.

c) Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn nước sạch chính cấp cho toàn khu đô thị Nam Sơn được lấy từ nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh công suất 25.000 - 100.000 m³/ngày thông qua các tuyến ống truyền dẫn DN600 chạy dọc QL.18, QL.38 và đường tỉnh ĐT.287 và các nguồn bổ sung khác.

- Cấp nước chữa cháy: Sử dụng hệ thống cấp nước chữa cháy áp lực thấp (chung mạng lưới đường ống với hệ thống cấp nước đô thị). Các họng cứu hỏa được đấu nối vào mạng lưới cấp nước có đường kính $D \geq 110$ đặt tại các ngã ba, ngã tư với khoảng cách theo quy định.

- Tổng nhu cầu cấp nước khoảng 55.000 m³/ngày đêm.

d) Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện: Từ trạm 110kV Tân Chi, quy mô công suất (2x63)MVA và trạm 110kV Nam Sơn - Hạp Lĩnh, quy mô công suất (2x63)MVA.

- Lưới 35kV: Giữ lại để cung cấp điện cho các phụ tải hiện có.

- Lưới 22KV: Từ thanh cái 22kV của trạm 110kV dự kiến xây dựng mới 8 lộ 22kV đi ngầm.

- Trạm lưới 22/0,4kV: Giữ lại toàn bộ trạm treo 35/0,4kV hiện trạng sẽ thay bằng trạm 22/0,4kV khi lưới 35kV được vận hành 22kV; xây dựng 300 trạm 22/0,4kV với tổng công suất đặt 140.000KVA.

- Lưới chiếu sáng: Các tuyến giao thông chính có dải phân cách lớn sẽ bố trí chiếu sáng 2 bên đường và chiếu sáng bằng đèn chùm trang trí trên dải phân cách; cấp điện chiếu sáng đi ngầm.

- Tổng nhu cầu cấp điện khoảng 219.650KW.

e) Quy hoạch thông tin liên lạc:

- Nguồn cấp: Trạm Nam Sơn 25.000 thuê bao.

- Truyền dẫn:

+ Xây mới tuyến cáp quang từ trung tâm thành phố tới, dung lượng 48F0.

+ Xây mới và tăng dung lượng các tuyến cáp đáp ứng nhu cầu công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin.

- Mạng ngoại vi: Hoàn thiện hệ thống cống, bể cấp và hầm cấp trên vỉa hè; Hệ thống sử dụng cáp quang đi ngầm.

- Mạng Internet: Truy nhập Internet băng rộng sẽ được phát triển theo 2 phương thức qua mạng cáp nội hạt và vô tuyến.

f) Quy hoạch thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải là hệ thống thoát nước riêng có hệ thống xử lý nước thải riêng (đối với khu vực làng xóm dân cư hiện có nước thải được tách từ cống thoát nước chung dẫn về trạm xử lý nước thải). Toàn bộ nước thải sinh hoạt của phân khu đô thị Nam Sơn tập trung về 1 trạm xử lý nước thải.

- Tổng nhu cầu xử lý nước thải cho phân khu khoảng: 32.000m³/ngày đêm.

g) Chất thải rắn và vệ sinh môi trường:

- Nhu cầu thu gom, xử lý chất thải rắn khoảng 180 tấn/ngày đêm.

- Chất thải rắn được phân loại tại nguồn gồm nhóm các chất có thể thu hồi tái sử dụng, tái chế và nhóm các chất phải xử lý chôn lấp, tiêu huỷ theo quy định.

- Giải pháp thu gom: Bố trí một số điểm tập kết chất thải rắn tại các khu vực khuôn viên cây xanh, khu vực công cộng, sau đó được vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn tập trung của huyện Tiên Du theo Quy hoạch chất thải rắn vùng tỉnh đã được duyệt.

h) Quy hoạch nghĩa trang:

- Sử dụng nghĩa trang tập trung của huyện theo Quy hoạch vùng tỉnh đã được duyệt.

- Đóng cửa các nghĩa trang nhân dân hiện trạng theo lộ trình, dùng hung táng; cải tạo, trồng cây xanh, vệ sinh môi trường thành “nghĩa trang vườn”.

6. Thiết kế đô thị và Quy định quản lý đồ án quy hoạch

Được phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này.

7. Đánh giá môi trường chiến lược

- Tuân thủ theo Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 về hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị. Các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường gồm:

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước: Tạo hành lang bảo vệ sông hồ, cấm xả thải không qua xử lý trực tiếp ra nguồn.

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí tiếng ồn: Trồng cây xanh cách ly quanh khu vực bến xe, trạm xử lý nước thải, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Sử dụng đất hợp lý, theo kế hoạch sử dụng đất được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Bảo vệ và hồi phục môi trường sinh thái; giảm thiểu ảnh hưởng tai biến môi trường; thiết lập hệ thống quan trắc giám sát môi trường.

- Kiểm soát chặt nguồn thải của khu vực phát triển công nghiệp phía bắc (khuyến khích phát triển các loại hình công nghiệp sạch công nghệ cao không gây ô nhiễm môi trường), khu xử lý nước thải tập trung, điểm tập kết chất thải rắn.

- Giữ gìn bảo tồn trùng tu các công trình văn hóa, phát huy các văn hóa đặc trưng phi vật thể.

- Các dự án đầu tư phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật. Kiểm soát và có giải pháp giảm thiểu các tác động khi triển khai xây dựng và đưa dự án vào hoạt động.

8. Xác định các dự án ưu tiên đầu tư xây dựng

- Dự án đầu tư xây dựng: Khu các trường đại học, Trung tâm đào tạo nghề Dabaco, dự án đối ứng BT QL.38, dự án xây dựng trung tâm thương mại, khách sạn.

- Dự án đầu tư xây dựng mới tuyến đường giao thông đối ngoại: đường vành đai 4 Vùng thủ đô Hà Nội.

- Dự án đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp đường QL.18, QL.38 và ĐT.287.

- Dự án đầu tư xây dựng các tuyến ống truyền dẫn chính D600 trên QL.18, QL.38 và D300 trên ĐT 287 cấp nước từ nhà máy nước mặt Chi Lăng cho Khu đô thị Nam Sơn và vùng phụ cận.

- Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo mở rộng các làng xóm cũ với việc đầu tư các đường giao thông vành đai các làng, cải tạo đường làng, ngõ xóm, đường nội đồng phục vụ canh tác nông nghiệp.

- Dự án đầu tư xây dựng, bảo tồn, cải tạo các di tích lịch sử các làng.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ chủ trì: Phối hợp với UBND thành phố Bắc Ninh, UBND huyện Tiên Du, UBND huyện Quế Võ tổ chức công bố công khai Đồ án quy hoạch; cắm mốc giới quy hoạch ngoài thực địa theo đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5.000 Khu đô thị Nam Sơn, tỉnh Bắc Ninh; đồng thời chịu trách nhiệm về những nội dung tham mưu đề xuất có liên quan, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Giao thông Vận tải; Tài nguyên và Môi trường, Công thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tin và Truyền thông; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND thành phố Bắc Ninh, UBND huyện Tiên Du, UBND huyện Quế Võ và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban quản lý các KCN Bắc Ninh;
- TTHU, TT HĐND huyện: Tiên Du, Quế Võ;
- TTTU, TT HĐND thành phố Bắc Ninh;
- Lưu: VT, CN.XDCB, KTTH, NNTN, CVP.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Nhưng